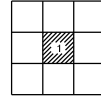


BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH KHU ĐẤT

Bản đồ được đo đạc bổ sung, chỉnh lý và biên tập từ tờ BĐDC số 1 (tỷ lệ 1/5000) đất Lâm Nghiệp: xã Tây Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi
Để lập thủ tục: Thông báo thu hồi đất, kiểm kê và lập phương án bồi thường
Công trình: Khu tái định cư tập trung Làng Lúa, tổ 4, thôn Trà Linh, xã Hương Trà, huyện Trà Bồng
Địa điểm: xã Tây Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi

QUẢNG NGÃI - TÂY TRÀ BỒNG

Tổng diện tích: 73.201,0 m² Diện tích quy hoạch: 38.727,9 m² Diện tích quy hoạch bãi thải (thu hồi tạm): 13.050,6 m²



BẢNG CÁC THỪA ĐẤT CHÍNH LÝ TỪ BĐDC SỐ 1									
Số TT	Thông tin thửa đất thêm			Thông tin gốc của thửa thêm			Số thứ tự thửa đất bỏ (chỉ đánh số một lần)		
TT	Thửa	Diện tích	Loại đất	TT Thửa	Diện tích	Loại đất	TT	Thửa	Diện tích
1	532	6750	RSX	270, 260, 360, 362, 308	6475, 4347, 5814, 1979, 11546	RSX	1	210, 219, 220	
2	533	2979	RSX	270, 261, 262, 219, 220	6475, 3614, 1979, 2916, 276	RSX	2	208, 260, 261, 262	
3	534	1145	RSX	219, 220	2916, 276	RSX			
4	535	11267	RSX	270, 260, 208	6475, 4341, 11554	RSX			
5	536	8378	CLN	270, 220, 260, 261	6475, 2762, 4341, 3614	RSX			
6	537	241	CLN	208	11554	RSX			
7	538	1343	CLN	208	11554	RSX			

Chú chú:

- Trích lục từ tờ bản đồ địa chính do vẽ năm 2007 (dự án đất Lâm Nghiệp): Hệ tọa độ VN2000 (Bản đồ được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai khu vực II (Văn phòng ĐKDD tỉnh Quảng Ngãi - Chi nhánh huyện Trà Bồng cũ) cung cấp ngày 03 tháng 3 năm 2025)
- Trích lục bảng màu đen
- Chính lý năm 2025 bằng màu đỏ
- Tờ BĐDC số 1 tỷ lệ 1/5000 được biên tập từ phóng vẽ tỷ lệ 1/2000
- Đo vẽ bổ sung đánh số thửa tiếp từ thửa 518 đến 531
- Ranh giới quy hoạch và mốc:
- Ranh giới quy hoạch bãi thải (thu hồi tạm)
- Diện tích trong ranh giới quy hoạch;
- (đối với các thửa dọc bên)
- Diện tích trong ranh giới quy hoạch bãi thải (mượn tạm)
- Bản đồ này được nhận thành 04 bản.



BẢNG THÔNG KÊ TOA ĐỘ MỐC MUỘN TẠM		
TT	TÊN MỐC	TOA ĐỘ VN 2000
		X Y
1	N1	1680365,368 543867,955
2	N2	1680346,719 543855,394
3	N3	1680308,478 543645,702
4	N4	1680290,550 543655,540
5	N5	1680296,740 543622,041
6	N6	1680327,798 543668,249
7	N7	1680332,113 544024,662

BẢNG THÔNG KÊ TOA ĐỘ MỐC RQGH		
TT	TÊN MỐC	TOA ĐỘ VN 2000
		X Y
1	M1	1680448,075 543780,852
2	M2	1680439,258 543798,406
3	M3	1680440,837 543821,795
4	M4	1680436,868 543853,886
5	M5	1680424,588 543902,017
6	M6	1680423,030 543932,645
7	M7	1680409,927 543970,881
8	M8	1680437,911 543985,325
9	M9	1680453,719 544008,418
10	M10	1680465,632 544077,266
11	M11	1680502,640 544126,532
12	M12	1680500,680 544177,206
13	M13	1680498,094 544247,951
14	M14	1680481,161 544282,606
15	M15	1680443,009 544271,341
16	M16	1680414,073 544271,106
17	M17	1680427,256 544287,726
18	M18	1680420,145 544290,654
19	M19	1680402,717 544276,511
20	M20	1680387,082 544269,270
21	M21	1680370,649 544252,773
22	M22	1680367,985 544228,690
23	M23	1680377,501 544218,625
24	M24	1680368,142 544162,182
25	M25	1680358,129 544089,727
26	M26	1680355,120 544061,462
27	M27	1680359,160 544027,361
28	M28	1680392,871 543972,403
29	M29	1680390,111 543934,145
30	M30	1680398,300 543903,705
31	M31	1680400,362 543853,300
32	M32	1680409,634 543820,318
33	M33	1680408,622 543804,864
34	M34	1680407,032 543783,251

CƠ QUAN THỰC HIỆN: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TƯ VẤN THẮNG LỢI		CƠ QUAN KIỂM TRA: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐO ĐẠC ĐỊA CHÍNH VÀ TRẮC ĐỊA CÔNG TRÌNH QUẢNG NAM		UBND XÃ TÂY TRÀ BỒNG
Ngày / / 2025		Ngày / / 2025		Ngày / / 2025
Người thực hiện	KT, GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC	Người kiểm tra	KT, GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC	CHỦ TỊCH
Đỗ Thị Trúc Linh	Vô Thanh Hải	Trần Đức Tín	Bùi Thanh Trúc	
Người kiểm tra				
Phạm Ngọc Phương				



THÀNH 1 TỜ
TỜ SỐ 1
Tổng số thửa: 22